

Bản án số: 82/2020/DS-PT

Ngày: 28-5-2020

“Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lưu Ánh Nguyệt;
2. Ông Lâm Văn Be.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 140/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hồ Văn H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Tổ 13, ấp TS, xã ĐTh, huyện TrB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. Chị Hồ Thị Tr, sinh năm 1978; có mặt;
3. Chị Hồ Thị T1, sinh năm 1980; có mặt;
4. Anh Hồ Văn T2, sinh năm 1982; có mặt;

Chị Tr, chị T1, anh T2, cùng trú tại: Tổ 4, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Anh Hồ Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 4, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 21-6-2019); có mặt.

Bị đơn:

1. Anh Hồ Văn T3, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ 4, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Anh Hồ Văn T4, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 4, ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 27/6 đường ChL, khu phố 15, phường BTĐ, quận BT, Tp Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 01-7-2019; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn, ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Hồ Văn T2 trình bày: Cha mẹ anh là ông Hồ Văn B (chết ngày 26-9-2018 âm lịch) và bà Lê Thị T (chết năm 2014). Cha mẹ anh sinh được 05 người con, gồm: Hồ Văn T2, Hồ Văn T3, Hồ Thị Tr, Hồ Thị T1, Hồ Văn T4 và Hồ Văn H (là anh cùng cha khác mẹ). Khi còn sống ông B, bà T tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy đất.

Năm 2004 ông B, bà T lập văn bản phân chia đất cho các con gồm: Hồ Văn T3, Hồ Thị Tr, Hồ Thị T1, Hồ Văn T2, Hồ Văn T4, ông B, bà T mỗi người diện tích 6m x 110m. Đến khoảng 02 – 03 năm sau, ông B tách thửa sang tên cho anh T3, chị Tr và chị T1. Anh chưa được tách thửa sang tên nhưng đã nhận đất và xây nhà ở trên đất. Riêng anh T4 chưa được ông B, bà T giao đất và tách thửa sang tên như thỏa thuận phân chia.

Năm 2014 bà T chết không để lại di chúc. Ngày 04-7-2018 các anh chị em và ông B thống nhất đến Ủy ban nhân dân xã LN, Huyện D lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T; tại đây, các anh chị em yêu cầu ông B tách thửa sang tên cho anh T4 nhưng ông B không đồng ý nên các anh chị em và ông B thống nhất phân chia như sau: Anh được chia phần đất diện tích 805 m² (anh đã xây nhà ở kiên cố trên phần đất này từ năm 2017), anh T3 được chia phần đất có diện tích 665,6 m²; phần đất còn lại do ông B đứng tên quyền sử dụng gồm: Phần đất có diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16 và phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ 16, trên đất có căn nhà cấp 4; đất tọa lạc tại ấp LH, xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Năm 2018 ông B chết không để lại di chúc. Sau khi ông B chết, anh T4 trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa 675, tờ bản đồ 16; anh T4 đã tu bổ, sửa chữa phòng khách của nhà ở, làm mái che sắt và xây dựng hồ nuôi cá để nuôi cá kiểng trên thửa đất số 675 này cho đến nay.

Từ khi anh T4 dẫn chị Nguyễn Thị K về chung sống như vợ chồng nên anh em trong gia đình phát sinh mâu thuẫn; do anh T4, chị K chửi mắng anh, chị Tr, chị T1; đốt bàn thờ cửu quyền có đề tên ông B, bà T. Riêng anh T3 không ngăn

cán mà còn xúi giục anh T4, dẫn đến anh em trong gia đình mâu thuẫn gay gắt.

Anh xác định di sản thừa kế do ông B để lại chưa chia gồm:

+ Phần đất có diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02465 ngày 17-9-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Hồ Văn B.

+ Phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa số 675, tờ bản đồ 16, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02464 ngày 17-9-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Hồ Văn B và trên đất có căn nhà cấp 4 có diện tích 100,5 m² (5m x 20,1m).

Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên, hiện tại do anh T3 đang giữ.

Nay anh yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B, bà T thành 6 kỷ phần bằng nhau chia cho 06 người thừa kế gồm anh, anh H, anh T3, chị Tr, chị T1, anh T4; mỗi người hưởng 01 kỷ phần. Anh yêu cầu chia cho anh, anh H, chị Tr, chị T1 được hưởng chung phần đất có diện tích 1.395 m², thửa số 675, tờ bản đồ 16; trên đất có căn nhà cấp 4 giao cho anh trực tiếp quản lý, sử dụng. Chia cho anh T3, anh T4 được hưởng chung phần đất có diện tích 567,1 m², thửa số 673, tờ bản đồ số 16. Anh, anh H, chị Tr, chị T1 đồng ý hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh T3, anh T4 theo quy định.

Đối với tài sản, công trình trên đất do anh T4 xây dựng thì anh đồng ý hoàn trả giá trị bằng tiền cho anh T4.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 đồng ý chia cho anh T4 phần đất có diện tích 567,1 m², thửa số 673, tờ bản đồ số 16. Riêng phần đất có diện tích 1.395 m², thửa số 675, tờ bản đồ 16 (trên đất có căn nhà cấp 4), anh yêu cầu chia thành 05 kỷ phần bằng nhau cho anh, anh H, anh T3, chị Tr, chị T1; anh yêu cầu anh, anh H, chị Tr, chị T1 được hưởng hiện vật là quyền sử dụng đất và hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh Hồ Văn T3.

Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn: Anh không đồng ý hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 04-7-2018; vì văn bản này được lập hợp pháp, có công chứng, chứng thực theo quy định, các anh chị em và ông B thống nhất tự nguyện ký tên, không ai bị ép buộc.

Nguyên đơn, chị Hồ Thị Tr trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh T2 về mối quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản thừa kế.

Khi ông B, bà T còn sống, anh T4 không sống cùng mà đi đi về về, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, không nuôi dưỡng, mỗi khi uống rượu về chửi mắng ông B, bà T. Chị khuyên nhiều lần nhưng anh T4 không thay đổi. Chị, anh T2 và chị T1 là những người thường xuyên chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ chị hàng ngày. Do đó, ông B, bà T không chia tài sản cho T4.

Năm 2018, khi thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế của bà T để lại, chị có nói ông B tách thửa sang tên cho anh T4 nhưng ông B không đồng ý, vì sợ anh T4 sẽ bán đất. Đến khi ông B chết, anh T4 và chị K về chung sống tại

nhà ông B đã đập phá, đốt bàn thờ cửu quyền nên phát sinh mâu thuẫn với các anh chị em trong gia đình, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể hòa giải được.

Nay chị có cùng yêu cầu với anh T2. Chị đồng ý chia cho anh T4 được hưởng phần đất có diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16. Riêng phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa số 675, tờ bản đồ 16, trên đất có căn nhà cấp 4, chị yêu cầu được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, chị yêu cầu chị, anh H, chị T1, anh T2 được hưởng phần đất này và hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh T3.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Chị không đồng ý hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 04-7-2018; vì văn bản này được lập hợp pháp, có công chứng, chứng thực theo quy định; các anh chị em và ông B thống nhất tự nguyện ký tên, không ai bị ép buộc.

Nguyên đơn, chị Hồ Thị T1 trình bày: Chị thống nhất lời trình bày và yêu cầu của anh T2, chị Tr.

Nay chị có cùng yêu cầu với anh T2, chị Tr. Chị đồng ý chia cho anh T4 được hưởng phần đất có diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16. Riêng phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa số 675, tờ bản đồ 16, trên đất có căn nhà cấp 4, chị yêu cầu được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, chị yêu cầu chị, anh H, chị Tr, anh T2 được hưởng phần đất này và hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh T3.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Chị không đồng ý hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế lập ngày 04-7-2018; vì văn bản này được lập hợp pháp, có công chứng, chứng thực theo quy định; các anh chị em và ông B thống nhất tự nguyện ký tên, không ai bị ép buộc.

Nguyên đơn, anh Hồ Văn H và người đại diện theo ủy quyền của anh H là anh Hồ Văn T2 trình bày:

Anh H là con cùng cha khác mẹ với anh T3, chị Tr, chị T1, anh và anh T4. Anh H là con của ông B cùng người mẹ trước (đã chết).

Trước đây khi các anh em trong gia đình còn nhỏ, ông B, bà T có gọi anh H về cho đất nhưng anh H không về, vì nghĩ các em còn nhỏ nên để đất cho ông B, bà T sử dụng, sản xuất để nuôi các em. Thời gian đã lâu ông B, bà T có cho anh H 01 con bò mẹ, 01 con bò con và số tiền 20.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền 20.000.000 đồng cho anh H là do ông B chuyển nhượng cho anh T3 phần đất 6m ngang với số tiền 300.000.000 đồng.

Nay anh H đồng ý chia cho anh T4 được hưởng phần đất diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16. Riêng phần đất có diện tích 1.395 m², thửa số 675, tờ bản đồ 16, trên đất có căn nhà cấp 4, anh yêu cầu được chia thành 05 kỷ phần bằng nhau, yêu cầu chia cho anh H, chị Tr, chị T1, anh T2 được hưởng phần đất này và hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh T3.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Anh H không đồng ý hủy Văn bản

phân chia tài sản thừa kế lập ngày 04-7-2018. Do đây là văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T nên anh H không ký tên trong văn bản này.

Bị đơn, anh Hồ Văn T4 và người đại diện theo ủy quyền cho anh T4 là ông Phạm Thanh D trình bày:

Anh T4 thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, hàng thừa kế.

Khi còn sống ông B, bà T tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004, ông B, bà T và các anh chị em có lập văn bản phân chia đất, gồm: chia cho anh Hồ Văn T3, Hồ Thị Tr, Hồ Thị T1, Hồ Văn T2 và Hồ Văn T4 mỗi người diện tích 6m x 110m, ai cũng đều ký tên vào văn bản này. Anh T3, chị Tr, chị T1 đã được tách thửa sang tên. Năm 2007, ông B, bà T chuyển nhượng cho ông Nhân một phần đất diện tích 5m x 110m và năm 2012, chuyển nhượng cho anh T3 diện tích 6m x 110m.

Năm 2014 bà T chết, không để lại di chúc; ngày 04-7-2018 ông B và các anh chị em đến Ủy ban nhân dân xã để làm thủ tục tách thửa sang tên cho anh T2, anh T3 nhưng thống nhất làm thủ tục phân chia di sản thừa kế của bà T để lại. Phần đất còn lại ông B đứng tên quyền sử dụng đất, gồm: Diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ số 16 và phần đất diện tích 1.395 m², thửa số 675, tờ bản đồ 16, trên đất có căn nhà cấp 4; tại đây, anh T4 có ý kiến nhưng ông B nói sau khi ông B chết cũng để lại cho anh T4 sử dụng diện tích 1.395 m², thửa số 675, gồm phần của anh T4 được chia như các anh chị và phần hương quả thờ cúng ông bà nên anh T4 không có ý kiến mà đồng ý ký tên vào văn bản. Năm 2018 ông B chết không để lại di chúc. Hiện nay anh đang quản lý sử dụng phần đất có diện tích 1.395 m², thửa số 675, tờ bản đồ số 16 và căn nhà trên đất để thờ cúng cha mẹ. Riêng phần đất có diện tích 567,1 m² hiện đang để trống.

Khi ông B, bà T còn sống, anh là người chăm sóc nuôi dưỡng; các anh chị cũng có chăm sóc một phần nhưng ông B, bà T không lệ thuộc vào ai. Năm 2018, khi ông B còn sống, anh có sửa chữa, nâng cấp phòng khách của căn nhà với số tiền 20.000.000 đồng và hiện nay anh đã xây hồ nuôi cá trên phần đất này. Sau khi ông B chết, anh là người cúng giỗ cho ông B, bà T. Giữa các chị và vợ anh là Nguyễn Thị K có mâu thuẫn với nhau về lời ăn tiếng nói. Các chị cho rằng vợ anh đập đổ bàn thờ ông B, bà T là không có.

Nay anh đồng ý chia phần đất có diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ 16, thành 06 kỷ phần bằng nhau. Đối với phần đất có diện tích 1.395 m², thửa 675, tờ bản đồ số 16, anh không đồng ý chia thừa kế, vì trong phần đất này có một phần khoảng 6m ngang trước đây cha mẹ đã cho anh cùng thời điểm khi cho chị Tr, chị T1, anh T2, anh T3 nhưng chưa tách thửa sang tên. Nay anh yêu cầu được hưởng phần đất này, phần diện tích còn lại và căn nhà cấp 4 thì anh yêu cầu được hưởng để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của anh T4 đồng ý nhận phần đất có diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ 16. Đối với phần đất diện tích 1.395 m², thửa 675, tờ bản đồ số 16 và căn nhà trên đất thì yêu cầu chia

thành 06 kỷ phần bằng nhau, yêu cầu được chia cho anh T4 sử dụng và anh T4 có nghĩa vụ hoàn trả cHh lệch cho anh H, chị Tr, chị T1, anh T2.

Về yêu cầu phản tố: Anh T4 yêu cầu hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 04-7-2018, vì anh nhầm lẫn sau khi ký tên ông B cũng để lại toàn bộ tài sản này cho anh. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D là người đại diện theo ủy quyền của anh T4 xin rút lại yêu cầu phản tố.

Bị đơn anh Hồ Văn T3 và người đại diện theo ủy quyền của anh T3 là ông Phạm Thanh D trình bày:

Anh T3 thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, hàng thừa kế.

Khi còn sống ông B, bà T tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004, ông B, bà T và các anh chị em có lập văn bản phân chia đất, gồm: chia cho Hồ Văn T3, Hồ Thị Tr, Hồ Thị T1, Hồ Văn T2 và Hồ Văn T4 mỗi người diện tích 6m x 110m, mỗi người đều ký tên vào văn bản này. Chị Tr, chị T1 đã được tách thừa sang tên. Năm 2007, ông B, bà T chuyển nhượng cho ông Nhân một phần đất diện tích 5m x 110m và năm 2012 chuyển nhượng cho anh T3 diện tích 6m x 110m với số tiền 300.000.000 đồng, anh T3 giao tiền đủ nhưng chưa tách thừa sang tên ngay lúc này. Sau khi bà T chết, năm 2018 các anh chị em và ông B đến Ủy ban nhân dân xã LN để làm thủ tục sang tên, thống nhất lập văn bản phân chia tài sản thừa kế cho anh T3 phần đất thửa 672 và anh Hồ Văn T2 phần đất thửa 676, phần còn lại là thửa 673, 675 cho ông B được hưởng. Thực tế phần tài sản anh T3 hưởng theo bản phân chia này là anh mua lại, còn anh T2 đã được cho trước đó nhưng chưa sang tên nay làm thủ tục để sang tên. Khi đó anh T4 cũng có yêu cầu được sang tên theo như văn bản phân chia năm 2004 nhưng ông B nói đề từ từ, anh T4 cũng không có ý kiến gì và đồng ý ký tên vào văn bản phân chia này. Năm 2018 ông B chết không để lại di chúc. Anh đang giữ 02 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông B đứng tên, không thể chấp, cầm cố cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác.

Nay anh đồng ý chia thừa kế đối với phần đất diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ 16, thành 06 kỷ phần bằng nhau, kỷ phần anh được hưởng thì anh tự nguyện giao lại cho anh T4 toàn quyền quản lý sử dụng. Đối với phần đất diện tích 1.395 m², thửa 675, tờ bản đồ số 16, anh không đồng ý chia vì trong phần đất này có một phần khoảng 6m ngang trước đây ông B, bà T đã cho anh T4 cùng thời điểm khi cho anh, chị Tr, chị T1, anh T2 nhưng chưa tách thừa sang tên cho anh T4, nay anh đồng ý chia cho anh T4 được hưởng một phần đất thuộc thửa 675, tờ bản đồ 16 như các anh chị em đã được chia theo văn bản năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa này và căn nhà trên đất thì giao cho anh T4 quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của anh T3, anh T4 đồng ý nhận phần đất diện tích 567,1 m² thửa 673 tờ bản đồ 16. Đối với phần đất diện tích 1.395 m², thửa 675, tờ bản đồ số 16 và căn nhà trên đất, chia thành 06 kỷ phần bằng nhau, yêu cầu được chia cho anh T4 sử dụng và anh T4 có nghĩa vụ hoàn trả

cHh lệch cho anh H, chị Tr, chị T1, anh T2. Anh T3 tự nguyện giao kỷ phần mà anh được hưởng cho anh T4 toàn quyền quản lý, sử dụng.

Các đương sự thống nhất sơ đồ hiện trạng sử dụng đất đã đo đạc và thống nhất giá trị quyền sử dụng đất, tài sản trên đất như sau:

Diện tích 1.395 m² (ONT 50 m² và CLN 1.345 m²) thửa số 675 tờ bản đồ 16 trị giá 365.225.000 đồng;

Diện tích 567,1 m² (ONT 100 m² và CLN 467,1 m²) thửa 673 tờ bản đồ số 16 trị giá 430.358.500 đồng;

Căn nhà cấp 4 diện tích 5m x 20,1m = 100,5 m², còn lại 60% giá trị sử dụng có giá 143.815.500 đồng; trong đó các bên thống nhất anh T4 sửa chữa phòng khách số tiền 20.000.000 đồng, do đó giá trị căn nhà là di sản thừa kế do ông B, bà T để lại là 123.815.500 đồng.

Nhà sắt diện tích 4m x 8,5m = 34 m² trị giá 7.208.000 đồng;

Công trình hồ nuôi cá trên toàn bộ phần đất diện tích 1.395 m² thửa số 675 tờ bản đồ 16 trị giá 100.493.980 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2 đối với anh Hồ Văn T3, anh Hồ Văn T4.

1.1. Anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2 được hưởng chung phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ số 06, có tứ cận: Đông giáp đất chị Hồ Thị T1; Tây giáp thửa 672 dài 113,41m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hải dài 5m; Bắc giáp đường đất sét – BC dài 5,02m.

1.2. Anh Hồ Văn T4 được hưởng phần di sản thừa kế gồm: Phần đất diện tích 1.395 m² thửa số 675 tờ bản đồ 16, có tứ cận: Đông giáp đất anh Hồ Văn T2 dài 118,09m; Tây giáp đất chị Hồ Thị T1 dài 114,48m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hải dài 11,76m; Bắc giáp đường Đất Sét – BC dài 12,23m. Căn nhà cấp 4 diện tích 100,5 m² (5m x 20,1m) thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ 16 (Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất).

1.3. Anh Hồ Văn T4 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cHh lệch cho anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2, anh Hồ Văn T3:

- Hoàn trả cho anh H 29.871.375 đồng;

- Hoàn trả cho chị Tr 29.871.375 đồng;

- Hoàn trả cho chị T1 29.871.375 đồng;

- Hoàn trả cho anh T2 29.871.375 đồng.

- Ghi nhận kỷ phần của anh Hồ Văn T3 được hưởng thừa kế đồng ý giao cho anh Hồ Văn T4 được hưởng.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Hồ Văn T4 về việc “Yêu cầu hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí, các chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 11 tháng 12 năm 2019, các nguyên đơn anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận văn bản phân chia di sản thừa kế lập ngày 04-7-2018.

Tại phiên tòa, chị Tr, chị T1, anh T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về người thừa kế:

Ông B và bà T có 05 người con chung gồm: Hồ Văn T2, Hồ Thị Tr, Hồ Thị T1, Hồ Văn T3 và Hồ Văn T4; ông B có 01 người con riêng là anh Hồ Văn H.

Bà T chết năm 2014; ông B chết năm 2018, đều không để lại di chúc; những người thừa kế của ông B gồm có anh T3, chị Tr, chị T1, anh T2, anh T4, anh H.

[2] Xác định di sản thừa kế:

Ngày 04-7-2018, ông B và các con của ông B, bà T đã lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế của bà T và thống nhất phân chia cho anh T2 phần đất có diện tích 805 m², thuộc thửa 676; anh T3 phần đất có diện tích 665,6 m², thửa 672; phần còn lại giao cho ông B gồm phần đất có diện tích 1.395 m², thửa số 675 (trên phần đất này có căn nhà cấp 4) và phần đất có diện tích đất 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ số 16. Do đó, căn cứ vào Điều 612 của Bộ luật dân sự, xác định di sản thừa kế do ông B để lại gồm:

- Phần đất thứ nhất: có diện tích 1.395 m² (ONT 50 m² và CLN 1.345 m²), thuộc thửa số 675, tờ bản đồ số 16; trị giá 365.225.000 đồng;

- Phần đất thứ hai: có diện tích 567,1 m² (ONT 100 m² và CLN 467,1 m²), thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16; trị giá 430.358.000 đồng;

- Căn nhà cấp 4 diện tích 5m x 20,1m = 100,5 m² (được xây dựng trên phần

đất thứ nhất), còn lại 60% giá trị sử dụng; có giá 143.815.000 đồng; trong đó các bên thống nhất anh T4 sửa chữa phòng khách số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, giá trị căn nhà là di sản thừa kế do ông B, bà T để lại là 123.815.000 đồng.

Tổng cộng giá trị di sản thừa kế do ông B để lại là 919.399.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh H, chị Tr, chị T1, anh T2, xét thấy:

Năm 2004, ông B, bà T đã lập văn bản phân chia tài sản cho các con gồm: Anh T3, chị Tr, chị T1, anh T2, anh T4 và tất cả đều đồng ý ký tên. Anh T3, chị Tr, chị T1 đã được tách thửa sang tên Tong ứng với diện tích được chia theo văn bản này. Đến năm 2018, anh T2 cũng được tách thửa sang tên xong. Anh H là con riêng của ông B đã được chia tiền, bò để chăn nuôi. Riêng anh T4 là con út chưa được nhận tài sản như đã phân chia. Do đó, việc phân chia di sản thừa kế do ông B để lại thành những kỷ phần bằng nhau để chia đều cho những người thừa kế của ông B theo yêu cầu của các nguyên đơn là không phù hợp với thực tế và ý chí nguyện vọng của bà T tại Văn bản phân chia tài sản năm 2004; nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chia cho anh T4 được hưởng một phần đất bằng với diện tích đất mà anh T3, chị T1, chị Tr, anh T2 đã được chia là 6 mét chiều ngang, dài hết đất và phần di sản còn lại được chia đều cho các đồng thừa kế của ông B là phù hợp, có căn cứ. Cụ thể:

- Phân chia di sản thừa kế:

+ Anh T4 được hưởng phần đất diện tích 701 m², thuộc một phần thửa 675, tờ bản đồ số 6, trị giá 94.635.000 đồng (701 m² x 135.000 đồng/m²); có tứ cận: Hướng Đông giáp đất anh Hồ Văn T2 dài 118,09 mét; hướng Tây giáp thửa 675 còn lại dài 116,92 mét; hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hải dài 6 mét; hướng Bắc giáp đường đất sét – BC dài 6 mét.

+ Phần di sản thừa kế còn lại là:

- Diện tích 694 m² thuộc một phần thửa 675, tờ bản đồ số 6; trị giá 270.590.000 đồng.

- Căn nhà cấp 4 có diện tích 100,5 m²; trị giá 123.815.000 đồng.

- Diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 06; trị giá 430.358.000 đồng.

Tổng giá trị di sản là: 824.764.000 đồng, được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau, Tong đương mỗi kỷ phần là 137.461.000 đồng (đã tính tròn số).

Giao cho anh T4 sử dụng phần đất diện tích 694 m², thuộc một phần thửa 675, tờ bản đồ số 6, trị giá 270.590.000 đồng và căn nhà cấp 4 có diện tích 100,5 m² (được xây dựng trên phần đất này, trị giá 123.815.000 đồng. Tổng giá trị tài sản giao cho anh T4 là 394.405.000 đồng.

Giao cho anh H, chị Tr, chị T1, anh T2 được hưởng phần đất diện tích 567,1 m², thửa 673, tờ bản đồ số 06, trị giá 430.358.000 đồng, Tong đương giá trị mỗi người được hưởng là 107.589.000 đồng, có tứ cận:

- + Đông giáp đất chị Hồ Thị T1
- + Tây giáp thửa 672 dài 113,41m
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hải dài 5m
- + Bắc giáp đường đất sét – BC dài 5,02m

Buộc anh Hồ Văn T4 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị chênh lệch cho anh H, anh T3, chị Tr, chị T1, anh T2 sau khi khấu trừ kỷ phần anh T4 được hưởng, cụ thể:

- Hoàn trả cho anh H 29.871.000 đồng (137.461.000 đồng/kỷ phần - 107.589.000 đồng);
- Hoàn trả cho chị Tr 29.871.000 đồng (137.461.000 đồng/kỷ phần - 107.589.000 đồng);
- Hoàn trả cho chị T1 29.871.000 đồng (137.461.000 đồng/kỷ phần - 107.589.000 đồng);
- Hoàn trả cho anh T2 29.871.000 đồng (137.461.000 đồng/kỷ phần - 107.589.000 đồng).

Tại cấp sơ thẩm, anh T3 tự nguyện giao kỷ phần anh T3 được hưởng cho anh T4 Tổng đương 137.461.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Tổng giá trị di sản thừa kế anh T4 được hưởng là: 369.557.000 đồng, gồm: diện tích 701 m², thuộc một phần thửa 675, tờ bản đồ số 6, trị giá 94.635.000 đồng, 01 kỷ phần anh T4 được hưởng trị giá 137.461.000 đồng (kỷ phần anh T3 tự nguyện giao cho anh T4). Đối với tài sản trên đất do anh T4 đã xây dựng, tạo lập và có sẵn trên đất, cần giao cho anh T4 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng.

[5] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2 không được chấp nhận nên ông H, chị Tr, chị T1, anh T2 phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 56/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

3. Căn cứ vào các điều 611, 623, 649, 650, 651, 660; khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 26, 35, 36, 147, 157, 165, 217, 218, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2 đối với anh Hồ Văn T3, anh Hồ Văn T4, về “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

4.1. Anh Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2 được hưởng chung phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 567,1 m², thuộc thửa 673, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02465 ngày 17-9-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Hồ Văn B); có tứ cận:

- Đông giáp đất chị Hồ Thị T1 dài 114,48m;
- Tây giáp thửa 672 dài 113,41m;
- Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 5m;
- Bắc giáp đường đất sét – BC dài 5,02m.

4.2. Anh Hồ Văn T4 được sở hữu, sử dụng phần đất có diện tích 1.395 m², thuộc thửa đất số 675, tờ bản đồ số 16 và căn nhà cấp 4 có diện tích 100,5 m² (5m x 20,1m) được xây dựng trên phần đất này; đất tọa lạc tại xã LN, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02464 ngày 17-9-2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Hồ Văn B); có tứ cận:

- Đông giáp đất anh Hồ Văn T2 dài 118,09m;
- Tây giáp đất chị Hồ Thị T1 dài 115,71m;
- Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H dài 11,76m;
- Bắc giáp đường Đất Sét – BC dài 12,23m.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất)

4.3. Buộc anh Hồ Văn T4 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cHh lệch cho ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1, anh Hồ Văn T2, anh Hồ Văn T3:

- Hoàn trả cho ông H 29.871.000 đồng;
- Hoàn trả cho chị Tr 29.871.000 đồng;
- Hoàn trả cho chị T1 29.871.000 đồng;
- Hoàn trả cho anh T2 29.871.000 đồng.

- Ghi nhận kỷ phần của anh Hồ Văn T3 được hưởng thừa kế đồng ý giao cho anh Hồ Văn T4 được hưởng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả Tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Hồ Văn T4 về việc “Yêu cầu hủy Văn bản phân chia tài sản thừa kế”.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Văn H phải chịu 6.873.050 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 4.166.650 đồng theo biên lai thu số 0011898 ngày 17-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, ông H còn phải nộp thêm số tiền 2.706.400 đồng.

Chị Hồ Thị Tr phải chịu 6.873.050 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 4.166.650 đồng theo biên lai thu số 0011897 ngày 17-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, chị Tr còn phải nộp thêm số tiền 2.706.400 đồng.

Chị Hồ Thị T1 phải chịu 6.873.050 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 4.166.650 đồng theo biên lai thu số 0011900 ngày 17-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, chị T1 còn phải nộp thêm số tiền 2.706.400 đồng.

Anh Hồ Văn T2 phải chịu 6.873.050 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 4.166.650 đồng theo biên lai thu số 0011896 ngày 17-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, anh T2 còn phải nộp thêm số tiền 2.706.400 đồng.

Anh Hồ Văn T4 phải chịu 18.477.850 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (yêu cầu phản tố) anh T4 đã nộp theo biên lai thu số 0003525 ngày 17-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, anh T4 còn phải nộp thêm số tiền 18.177.850 đồng.

Anh Hồ Văn T3 không phải chịu tiền án phí.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003975 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chị Hồ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003974 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Chị Hồ Thị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003976 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Anh Hồ Văn T2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T2 đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003973 ngày 11-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

7. Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá tài sản; xem xét, thẩm định tại chỗ tổng cộng là 23.850.000 (hai mươi ba T3 tám trăm năm mươi nghìn) đồng, anh T2 đã nộp tạm ứng.

7.1. Buộc anh Hồ Văn T4 hoàn trả cho anh T2 số tiền 7.950.000 đồng.

7.2. Buộc ông Hồ Văn H, chị Hồ Thị Tr, chị Hồ Thị T1 mỗi người phải hoàn trả cho anh T2 số tiền 3.975.000 đồng.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Huyện D;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn